UBND TỈNH TRÀ VINH **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 655 /TB-SNN-BVTV	*Trà Vinh, ngày 31 tháng 10 năm 2023*

THÔNG BÁO
Về việc lịch xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023-2024

Căn cứ Công điện số 397/CĐ-TTg ngày 13/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ động triển khai các biện pháp cấp bách ứng phó với nguy cơ nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn;

Căn cứ Thông báo số 6717/TB-BNN-VP ngày 19/9/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Thông báo kết luận của Thứ trưởng Hoàng Trung tại Hội nghị sơ kết sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu, Thu Đông, Mùa năm 2023; triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2023-2024 vùng Đồng bằng Sông Cửu Long;

Căn cứ Công điện số 06/CĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc chủ động triển khai các biện pháp ứng phó với các tác động của hiện tượng El Nino trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 4305/UBND-NN ngày 25/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện ý kiến Kết luận của Thứ trưởng Hoàng Trung;

Theo đề nghị Công văn số 1042/TT-VPPN ngày 23/10/2023 của Cục Trồng trọt về việc chỉ đạo triển khai sản xuất vụ Đông Xuân 2023-2024 vùng ĐBSCL;

Theo nhận định Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia tại Bản tin ngày 16/6/2023 cập nhật tình hình El Nino, dự báo hiện tượng El Nino sẽ tiếp tục phát triển từ tháng 6 cho tới hết năm 2023 và duy trì đến năm 2024, thời gian đỉnh điểm của hiện tượng El Nino có thể xảy ra trong 03 tháng (từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024). Trong điều kiện El Nino, nhiệt độ trung bình các tháng có xu hướng cao hơn bình thường, nắng nóng có thể nhiều và gay gắt hơn, hoạt động của bão/ATNĐ có thể không nhiều nhưng tập trung nhiều vào giữa mùa, tính chất cực đoan hơn, cả về cường độ và quỹ đạo. Đáng lưu ý là hiện tượng El Nino thường gây thâm hụt lượng mưa với mức phổ biến từ 25-50%, tình trạng ít mưa, nguy cơ cao xảy ra khô hạn cục bộ hoặc diện rộng dẫn đến hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong các tháng mùa khô năm 2023 và những tháng đầu năm 2024;

Căn cứ vào hiện trạng giai đoạn sinh trưởng lúa trên đồng và dự báo tình hình phát sinh, phát triển của các loại dịch hại ảnh hưởng đến sản xuất.

Từ các cơ sở nêu trên, để đảm bảo sản xuất vụ Đông Xuân năm 2023-2024 được an toàn, hạn chế thiệt hại do ảnh hưởng xâm nhập mặn, khô hạn cuối vụ và dịch hại gây bất lợi đến sản xuất; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thông báo lịch xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023-2024, cụ thể như sau:

1. Bố trí lịch thời vụ xuống giống

Kế hoạch vụ lúa Đông Xuân 2023-2024 gieo trồng 56.285 ha, bao gồm: Càng Long 8.832 ha, Cầu Kè 7.353 ha, Tiểu Cần 10.200 ha, Châu Thành 11.700 ha, Trà Cú 12.100 ha, Cầu Ngang 5.500 ha và thành phố Trà Vinh 600 ha. Khung thời vụ xuống giống lúa chung cho toàn tỉnh bắt đầu từ ngày 15/11/2023 đến ngày 30/12/2023, tập trung vào 02 đợt chính như sau:

+ Đợt 01: Xuống giống từ ngày 15/11 - 25/11/2023: Diện tích 1.730 ha, gồm các huyện: Tiểu Cần 1.000 ha và Châu Thành 730 ha.

+ Đợt 02: Xuống giống từ ngày 05/12 - 30/12/2023: Diện tích 54.555 ha, gồm các huyện: Càng Long 8.832 ha, Cầu Kè 7.353 ha, Tiểu Cần 9.200 ha, Châu Thành 10.970 ha, Trà Cú 12.100 ha, Cầu Ngang 5.500 ha, TP. Trà Vinh 600 ha.

Lưu ý: Một số vùng xuống giống Đông Xuân muộn phải tập trung kết thúc xuống giống đồng loạt trước ngày 10/01/2024.

2. Cơ cấu giống lúa: Đề nghị các địa phương tăng cường khuyến cáo, hướng dẫn nông dân sử dụng giống lúa cấp xác nhận và bộ giống cho vụ Đông Xuân 2023-2024, cụ thể như sau:

- Nhóm giống lúa chủ lực: OM 5451, OM 18, OM 4900, Đài Thơm 8;
- Nhóm giống lúa bổ sung: OM 429, RVT, ST 5, ST 20, ST 24, ST 25;
- Nhóm giống lúa chất lượng trung bình: IR 50404, ML 202, Siêu Hầm Trâu có thể duy trì với tỉ lệ không vượt quá 20% diện tích sản xuất của tỉnh.

Các địa phương bố trí nhóm giống có cùng thời gian sinh trưởng để thuận lợi trong việc cung cấp, sử dụng nước tưới tiết kiệm và quản lý sâu bệnh trên diện rộng đạt hiệu quả.

(Chi tiết có phụ lục đính kèm)

3. Các giải pháp

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh đồng ruộng trước khi xuống giống ít nhất 2 tuần, sử dụng nấm *Trichoderma* hoặc các chế phẩm sinh học để phân hủy rơm rạ nhằm hạn chế ngộ độc hữu cơ và cắt đứt nguồn bệnh.

- Tuyên truyền, vận động nông dân tuân thủ lịch thời vụ theo khuyến cáo; thực hiện việc xuống giống đồng loạt, tập trung né rầy theo từng vùng. Các địa phương chỉ đạo lịch xuống giống cụ thể, tập trung cho từng ấp, khóm, xã, phường. Trong từng đợt xuống giống phải đảm bảo dứt điểm trên từng cánh đồng.

- Khuyến cáo sử dụng cấp giống xác nhận, giống có thời gian sinh trưởng phù hợp trên từng địa phương, những giống lúa có năng suất và chất lượng cao phù hợp với yêu cầu thị trường, cứng cây, chống đổ ngã, chống chịu sâu bệnh và hạn mặn tốt như: OM 18, OM 4900, OM 5451, Đài Thơm 8, ST 5, ST 24, ST 25,... Vận động, tuyên truyền người dân áp dụng các biện pháp sạ hàng, sạ thưa, lượng giống sử dụng không vượt 120 kg/ha.

- Có chế độ dinh dưỡng phân bón cân đối và hợp lý: Sau khi gieo sạ, khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng, bón phân thúc sớm, bón cân đối

NPK tạo điều kiện lúa đẻ nhánh tốt, tăng chồi hữu hiệu; tăng cường bón phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, sử dụng các loại phân bón có chứa canxi, vôi, lân nung chảy, silíc; ưu tiên sử dụng các loại phân bón có nguồn gốc sinh học, bổ sung các loại phân bón cung cấp qua lá để tăng sức chống chịu cho cây lúa.

- Quản lý tốt nguồn nước: Các địa phương tiếp tục tổ chức vớt vật cản như lục bình, cỏ dại,... trên các tuyến kênh, rạch để khai thông dòng chảy. Đặc biệt, vụ Đông Xuân cần chuẩn bị tốt việc triển khai nạo vét các trục kênh chính, củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước,... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, tránh rò rỉ.

- Giám sát dịch bệnh: Tiếp tục hướng dẫn nông dân áp dụng biện pháp IPM, tăng cường công tác dự tính - dự báo. Chú ý các đối tượng gây hại chính có thể xuất hiện như bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông; các bệnh do khuẩn (cháy bìa lá, sọc trong, thối thân); nhện gié; chuột; đặc biệt là tăng cường công tác dự tính dự báo về diễn biến tình hình rầy nâu để hướng dẫn người dân phòng trị kịp thời. Thường xuyên theo dõi các đối tượng gây hại để chủ động phát hiện và phòng trị tốt ngay từ đầu vụ, không để cây lúa mất sức sẽ kéo dài thời gian sinh trưởng.

4. Tổ chức thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn thuộc Sở thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được giao; đồng thời chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thông tin hướng dẫn và khuyến cáo người dân tuân thủ thực hiện đúng lịch xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023-2024; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở các địa phương; kết quả báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

- Công ty TNHH một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh: Căn cứ vào lịch xuống giống có kế hoạch phối hợp cụ thể với các địa phương trong vận hành các cống thủy lợi điều tiết nước hợp lý phục vụ tốt việc làm đất, xuống giống.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố: Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế thị xã và thành phố, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thông báo và hướng dẫn nông dân thực hiện tốt lịch thời vụ, tổ chức xuống giống đồng loạt trên diện rộng, cụ thể trên từng cánh đồng, đảm bảo sản xuất đạt thắng lợi theo kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận :
- UBND tỉnh (b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Trung Hoàng (b/c);
- GĐ; các PGĐ Sở;
- Chi cục: Trồng trọt và BVTV; Thủy lợi;
- Công ty TNHH MTV QLKT CTTL;
- Trung tâm Khuyến nông;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế thị xã, thành phố;
- Lưu: VT; BVTV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH TRÀ VINH

Lê Văn Đông

Phụ lục: Thông báo lịch xuống giống vụ Đông Xuân 2023-2024

(Kèm theo Thông báo số 655/TB-SNN-BVTV ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: ha

STT	Huyện/thị xã/thành phố	Dự kiến diện tích gieo sạ	Đợt 01 xuống giống từ ngày 15/11 - 25/11/2023	Đợt 02 xuống giống từ ngày 05/12 - 30/12/2023	Ghi chú
1	Càng Long	8.832	-	8.832	
2	Cầu Kè	7.353	-	7.353	
3	Tiểu Cần	10.200	1.000	9.200	
4	Châu Thành	11.700	730	10.970	
5	Trà Cú	12.100	-	12.100	
6	Cầu Ngang	5.500	-	5.500	
7	Duyên Hải	-	-	-	
8	TX.Duyên Hải	-	-	-	
9	TP. Trà Vinh	600	-	600	
Tổng cộng		**56.285**	**1.730**	**54.555**	